

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Phước Thắng diện tích 554.365,8 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 8.750 người tại ấp 7, xã Minh Thắng và ấp 6, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Công nghiệp – Bất động sản và Xây dựng Song Phương chủ đầu tư

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Phước Thắng, diện tích 554.365,8 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 8.750 người tại ấp 7, xã Minh Thắng và ấp 6, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Công nghiệp - Bất động sản và Xây dựng Song Phương làm chủ đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 401/TTr-STNMT ngày 04/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Phước Thắng, diện tích 554.365,8 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 8.750 người (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Công nghiệp - Bất động sản và Xây dựng Song Phương (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp 7, xã Minh Thắng và ấp 6, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Nha Bích, Chủ tịch UBND xã Minh Thắng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Công nghiệp - Bất động sản và Xây dựng Song Phương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-40-QĐPD-04/8)</sub>.


  
**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Huỳnh Anh Minh*



**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỚC THẮNG DIỆN TÍCH 554.365,8 M<sup>2</sup>,**  
**DÂN SỐ KHOẢNG 8.750 NGƯỜI TẠI ÁP 7, XÃ MINH THẮNG VÀ ÁP 6,**  
**XÃ NHA BÍCH, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**DO CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP – BẤT ĐỘNG SẢN**  
**VÀ XÂY DỰNG SONG PHƯƠNG CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1394../QĐ-UBND ngày 08/8/2022*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- *Tên Dự án:* Dự án Khu dân cư Phước Thắng diện tích 554.365,8 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 8.750 người.

- *Chủ Dự án đầu tư:* Công ty TNHH Công nghiệp – Bất động sản và Xây dựng Song Phương.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 35, tổ 3, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Phước; chức danh: Giám đốc.

- *Địa điểm thực hiện Dự án:* Áp 7, xã Minh Thắng và áp 6, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.2. Phạm vi, quy mô:** Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 554.365,8 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 8.750 người.

**1.3. Công nghệ của Dự án:** Đầu tư xây dựng khu dân cư.

**1.4. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Đất ở (đất ở, đất nhà ở xã hội), đất công cộng dịch vụ (đất giáo dục, đất thương mại dịch vụ, đất y tế, đất văn hóa), đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông, đất hành lang bảo vệ đường bộ và diện tích đường đất xin nắn tuyến.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng:* Bụi từ quá trình thi công san nền; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xi kim loại; khí thải từ hoạt động trải nhựa; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:**

**3.1. Quy mô, tính chất của nước thải:**



### 3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 6,2 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 08 m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

### 3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Nước thải sinh hoạt*: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.295,91 m<sup>3</sup>/ngày (trong đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân khoảng 1.050 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải sinh hoạt từ công trình thương mại dịch vụ, trường mẫu giáo, trường y tế khoảng 245.91 m<sup>3</sup>/ngày) chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

## 3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

### 3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,13 mg/m<sup>3</sup>.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì kim loại*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>...

- *Bụi và khí thải từ hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Hơi dung môi (xylen, toluene, benzene...).

### 3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Khí thải và mùi hôi từ rác thải sinh hoạt, khu xử lý nước thải tập trung*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: CO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO...

## 3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

### 3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh trong suốt quá trình xây dựng khoảng 1.819,52 tấn, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 80 kg/ngày, chủ yếu là rác thực phẩm, vỏ bao bì, gói, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...



- *Chất thải nguy hại*: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 300 kg trong quá trình xây dựng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau dính sơn, dung môi; bao bì đựng sơn, dung môi; dung môi thải; que hàn...

### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 9.213,75 kg/ngày, thành phần bao gồm: Rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton, vải, gỗ, thủy tinh, xà bần, kim loại...

- *Chất thải rắn thông thường*: Tổng khối lượng bùn từ bể tự hoại khoảng 78,89 kg/ngày; lượng bùn phát sinh tại mỗi module xử lý nước thải phát sinh khoảng 69,1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học lẫn các vi sinh vật.

- *Chất thải nguy hại*: Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án khoảng 6.659,82 kg/năm bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị linh kiện điện tử thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau; bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm dính thành phần nguy hại...

### **3.4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án*: Tiếng ồn, rung gây ra do phương tiện vận tải từ việc chuyên chở bốc dỡ vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng như máy xúc, máy ủi, máy trộn bê tông, máy khoan, máy nén khí...

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động*: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **4.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng sơ bộ bằng đất có thể tích 03 m<sup>3</sup>. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 11 nhà vệ sinh di động với kích thước 01 nhà: dài x rộng x cao = 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m, dung tích bồn chứa nước là 500 lít, dung tích bồn chứa phân là 1.600 lít. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn xây dựng.



#### 4.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

+ Chủ Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, khu thương mại dịch vụ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 05 ngăn, sau đó lượng nước thải này được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

Chủ Dự án bố trí xây dựng 02 trạm xử lý nước thải tập trung tại phía Tây và phía Nam của Dự án, mỗi trạm gồm 02 module với công suất mỗi module là 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để thu gom và xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung tại các module 1, 2, 3, 4 là giống nhau, với quy trình như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 05 ngăn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ sự cố → Thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải:

Trạm xử lý nước thải tập trung phía Nam: Nước thải sau xử lý được dẫn qua hồ sự cố rồi về cửa xả 01 (X: 1268723,994; Y: 550568,457) cách hành lang Hồ Phước Hòa 65,14 m.

Trạm xử lý nước thải tập trung phía Tây: Nước thải sau xử lý được dẫn qua hồ sự cố rồi về cửa xả số 02 (X: 1267872,808; Y: 551075,960) cách hành lang Hồ Phước Hòa 70,5 m.

+ Tiến độ xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung:

Trong giai đoạn đầu, Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho module 1 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên phần đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch ở phía Tây của Dự án và module 2 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên phần đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch ở phía Nam của Dự án.

Khi dự án đạt tỷ lệ lấp đầy 50% dân số, Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho module 3, công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên phần đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch ở phía Tây của Dự án và module 4 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên phần đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch ở phía Nam của Dự án.

+ Quan trắc tự động: Chủ Dự án phải lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của 01 module công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:



Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Bể thu gom	1,5	1,0	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể điều hoà	7,0	6,0	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể anoxic	3,5	2,5	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể MBBR	3,5	2,5	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể aerotank	6,0	5,0	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể lắng sinh học	5,0	5,0	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể khử trùng	3,0	1,5	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể chứa bùn	5,0	4,0	4,2	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm

Chủ Dự án bố trí hồ sự cố đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Dự án trước khi thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, cụ thể: 01 hồ sự cố môi trường (hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm) tại trạm xử lý nước thải tập trung phía Tây (kích thước dài x rộng x cao = 27 m x 15 m x 4,2 m, thời gian lưu nước thải là 02 ngày) để thu gom nước thải từ module số 1, 3 và 01 hồ sự cố môi trường (hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm) tại trạm xử lý nước thải tập trung phía Nam (kích thước dài x rộng x cao = 27 m x 15 m x 4,2 m, thời gian lưu nước thải là 02 ngày) để đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh của từ module số 2, 4.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom vào hồ sự cố trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Nước thải phát sinh của Dự án phải xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

#### 4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

##### 4.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Các hạng mục gần khu dân cư được che chắn bằng tôn hoặc bạt cao 2,5 m, tưới nước giảm bụi trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, máy móc thiết bị:* Che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi, sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào Dự án và tắt máy khi bốc dỡ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân, sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại, đảm bảo máy móc thiết bị thi công luôn



nằm trong trạng thái kỹ thuật an toàn...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại, sơn tường*: Bố trí khu vực hàn, xì ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân, sắp xếp thời gian làm việc hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông*: Đảm bảo diện tích trồng cây xanh trong khu dân cư, bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường, xe phun rửa đường...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi từ chất thải rắn sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung*: Bố trí các thùng rác có nắp đậy; thực hiện thu gom rác vào thời điểm nhất định; hệ thống thu gom nước thải được xây kín; thường xuyên kiểm tra lượng vi sinh trong bể; vận hành đúng kỹ thuật; trồng cây xanh quanh hệ thống xử lý nước thải...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:**

#### **4.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom về kho chứa chất thải rắn tạm thời có diện tích 09 m<sup>2</sup> để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác HDPE với thể tích 120 lít có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Được thu gom, phân loại vào thùng chứa, có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích 04 m<sup>2</sup>, bằng tôn, có mái che và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình*: Từng hộ gia đình trang bị các thùng chứa rác có thể tích phù hợp để lưu chứa rác thải sinh hoạt, phân loại rác thải và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn phát sinh từ khu vực trường mẫu giáo, khu vực thể dục thể thao và khu thương mại, dịch vụ*: Bố trí các thùng rác bằng nhựa HDPE có dung tích thích hợp, có nắp đậy để thu gom rác, phân loại rác thải. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do rác thải đường phố*: Bố trí các thùng rác bằng nhựa HDPE có dung tích thích hợp, có nắp đậy dọc trên các tuyến đường để thu gom rác, phân loại rác thải sinh hoạt. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ bể tự hoại*: Các hộ gia đình, khu thương mại dịch vụ, trường mẫu giáo, khu thể dục thể thao hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn trong bể tự hoại theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 04 m<sup>2</sup> kết cấu: tường bao quanh bằng gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.





- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:**

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án*: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động*: Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án và quá trình vận hành của Dự án.

#### **4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ*: Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy; đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy; bố trí đường ống dẫn nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính; đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước thải*: Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu kỹ thuật; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; khi có sự cố vỡ ống nước xảy ra cần nhanh chóng xử lý kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải*: Thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố không chống thấm của các bể, để có biện pháp cải tạo kịp thời.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư:**

#### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:**

##### **5.1.1. Giám sát môi trường không khí:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát*: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO<sub>x</sub>, CO, SO<sub>2</sub>.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm



việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

### **5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

### **5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:**

#### **5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt:**

\* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào, 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải phía Tây và 01 điểm đầu vào, 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải phía Nam.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ( $k = 1$ ).

\* *Giám sát tự động, liên tục:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải phía Tây và 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải phía Nam.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, SS, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* Liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ( $k = 1$ ).

#### **5.2.2. Giám sát nước mặt:**



- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại hồ Phước Hòa sau vị trí tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải phía Tây và 01 điểm tại hồ Phước Hòa sau vị trí tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải phía Nam.

- *Thông số giám sát*: pH, BOD<sub>5</sub>, SS, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, tổng coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 08:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### **5.2.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:**

**6.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**6.2.** Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa xử lý thải vào hồ Phước Hòa.

**6.3.** Trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**6.4.** Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**6.5.** Trong quá trình triển khai, nếu Dự án có những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

**6.6.** Thực hiện các yêu cầu của địa phương về việc ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án tại Công văn số 18/UBND ngày 19/5/2022 của UBND xã Minh Thắng, Công văn số 22/UBND ngày 16/5/2022 của UBND xã Nha Bích, Công văn số 01/MTTQ ngày 15/6/2022 của



Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Minh Thắng và Công văn số 19/2022/MTTQ ngày 06/7/2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nha Bích và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 16/5/2022 tại xã Nha Bích, Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 19/5/2022 tại xã Minh Thắng; các yêu cầu của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa tại Công văn số 126/TLDTPH-QLN ngày 13/7/2022. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.





